HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24/2023/NQ-HĐND	*Quảng Ninh, ngày 08 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2023-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

Xét Tờ trình 3262/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2023-2025; Báo cáo số 327/BC-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu, bổ sung dự thảo nghị quyết về việc ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2023-2025; Báo cáo thẩm tra số 166/BC-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận, biểu quyết thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về đối tượng, nguyên tắc, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ cấp xã không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm nhưng chưa đến tuổi nghỉ hưu giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

2. Viên chức, cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã (không bao gồm cán bộ cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư khi bố trí số lượng, chức danh do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

4. Hợp đồng lao động làm việc trong các cơ quan, đơn vị theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (*viết tắt là Nghị định số 111/2022/NĐ-CP*), dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính.

Điều 3. Đối tượng không áp dụng

1. Cán bộ cấp xã đã được giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (*viết tắt là Nghị định số 26/2015/NĐ-CP)* trước thời điểm nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2. Viên chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP; cán bộ, công chức cấp xã đã được giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (*viết tắt là Nghị định số 29/2023/NĐ-CP)* trước thời điểm nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đã nghỉ công tác trước thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của các tổ chức chính trị-xã hội và Nhân dân trong quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ.

2. Gắn việc tinh giản biên chế dôi dư do sắp đơn vị hành chính với sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, chức vụ chức danh.

3. Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch và tuân thủ quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm giải quyết chế độ, chính sách hỗ trợ kịp thời, đầy đủ theo quy định, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước.

5. Những người đã được hưởng chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này nếu được bầu cử, tuyển dụng, bố trí lại vào cơ quan, tổ chức, đơn vị hưởng lương,

phụ cấp từ ngân sách nhà nước trong thời gian 60 tháng kể từ ngày nhận hỗ trợ thì phải hoàn trả lại số tiền hỗ trợ đã nhận cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đã chi trả hỗ trợ. Cơ quan, đơn vị bầu cử, tuyển dụng, bố trí lại người đã nhận hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này có trách nhiệm thu hồi số tiền hỗ trợ đã nhận và nộp vào ngân sách địa phương nơi cơ quan, tổ chức, đơn vị đã chi trả hỗ trợ.

6. Trường hợp đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách thì chỉ được hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 5. Các chính sách hỗ trợ

Các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này đủ điều kiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, ngoài được hưởng một trong các chính sách quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP thì được hưởng thêm mức hỗ trợ như sau:

1. Chính sách hỗ trợ nghỉ hưu trước tuổi

a) Nếu nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành:

Trường hợp nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP thì được tỉnh hỗ trợ: 03 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I, II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu *(viết tắt là Nghị định số 35/2020/NĐ-CP)* và 05 tháng tiền lương bình quân cho 20 năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội bắt buộc, từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương;

Trường hợp là nữ cán bộ, công chức cấp xã nghỉ hưu trước tuổi theo khoản 5 Điều 5 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP thì được tỉnh hỗ trợ: 05 tháng tiền lương bình quân và 03 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP;

Trường hợp nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP thì được tỉnh hỗ trợ: 1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và 05 tháng tiền lương bình quân cho 20 năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội bắt buộc, từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương;

Trường hợp là nữ cán bộ, công chức cấp xã nghỉ hưu trước tuổi theo khoản 2 Điều 8 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP thì được tỉnh hỗ trợ: 05 tháng tiền lương bình quân và 1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP.

b) Các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này nếu nghỉ hưu trước tuổi sau 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành thì được tỉnh hỗ trợ bằng 1/4 mức quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Chính sách hỗ trợ thôi việc ngay

a) Trường hợp thôi việc ngay theo quy định tại khoản 1 Điều 7, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP nếu nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành thì được tỉnh hỗ trợ: 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm và 1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

b) Trường hợp thôi việc ngay theo quy định tại khoản 1 Điều 7, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP nếu nghỉ sau 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành thì được tỉnh hỗ trợ bằng 1/4 mức quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Chính sách hỗ trợ nghỉ chờ đủ tuổi nghỉ hưu

Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này còn thời gian công tác dưới 02 năm (24 tháng) mới đến tuổi nghỉ hưu theo quy định, không có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc ngay thì được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 26/2015/NĐ-CP và được tỉnh hỗ trợ một lần bằng tiền tương đương với 06 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ chờ đủ tuổi nghỉ hưu.

4. Chính sách hỗ trợ tự nguyện chuyển công tác ra ngoài khu vực nhà nước

a) Các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này nếu tự nguyện chuyển công tác ra ngoài khu vực nhà nước trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành thì được tỉnh hỗ trợ một lần bằng tiền tương đương 03 tháng tiền lương hiện hưởng và 1/2 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

b) Các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này nếu tự nguyện chuyển công tác ra ngoài khu vực nhà nước sau 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành thì được tỉnh hỗ trợ bằng 1/4 mức quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

5. Hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành thì được tỉnh hỗ trợ một lần bằng tiền tương đương 01 lần mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng (bao gồm cả mức phụ cấp kiêm nhiệm) tại thời điểm nghỉ công tác theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh cụ thể hóa Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm

2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố cho mỗi năm đã công tác.

Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có thời gian đảm nhiệm các chức danh không chuyên trách khác nhau ở cấp xã theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh thì thời gian hỗ trợ được tính bằng thời gian làm việc liên tục, không gián đoạn đảm nhiệm các chức danh đến thời điểm có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc miễn nhiệm hoặc thôi bố trí hoặc thôi hưởng phụ cấp.

Trường hợp người hoạt động không chuyên trách cấp xã do viên chức, cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm thì không được hưởng chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

Thời gian công tác liên tục là thời gian đảm nhận các chức danh không chuyên trách ở cấp xã theo quy định không gián đoạn tính đến thời điểm nghỉ công tác do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp xã. Trong cùng một thời gian, một người đảm nhận nhiều chức danh không chuyên trách thì chỉ tính 01 lần thời gian công tác.

Điều 6. Cách tính tiền lương và xác định thời gian công tác

1. Tiền lương hiện hưởng là tiền lương tháng liền kề trước khi nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ chờ đủ tuổi nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác ra ngoài khu vực nhà nước. Tiền lương tháng được tính bao gồm: mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp, mức lương theo thỏa thuận của hợp đồng lao động; các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, tiền lương và mức chênh lệch bảo lưu (nếu có) theo quy định của pháp luật về tiền lương.

2. Tiền lương bình quân là tiền lương tháng bình quân của 05 năm cuối (60 tháng) trước khi nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ chờ đủ tuổi nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác ra ngoài khu vực nhà nước. Riêng đối với những trường hợp chưa đủ 05 năm (chưa đủ 60 tháng) công tác có đóng bảo hiểm xã hội thì tiền lương tháng bình quân của toàn bộ thời gian công tác.

3. Mức lương cơ sở: Được xác định theo mức lương cơ sở quy định của Chính phủ tại thời điểm nghỉ công tác của người được hỗ trợ.

4. Thời gian tính hưởng hỗ trợ có số tháng lẻ thì tính như sau: từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 1/2 năm và được hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 1/2 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách địa phương theo phân cấp.

2. Thời gian thực hiện: Kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Điều 8. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh Khóa XIV Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2023/.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBTV Quốc hội;
- Các bộ: Tư pháp, Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Trung tâm truyền thông tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ5.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Nguyễn Xuân Ký